

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ QUYỀN TÌNH DỤC VÀ QUYỀN TÌNH DỤC TRONG QUAN HỆ HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

*HOÀNG THỊ HẢI YẾN\**

*Ngày nhận bài: 14/02/2019*

*Ngày phản biện: 23/02/2019*

*Ngày đăng bài: 25/03/2019*

### **Tóm tắt:**

Với quan điểm tiếp cận chủ đạo lấy con người là trung tâm của sự phát triển bền vững, phát huy tối đa nhân tố con người vai trò là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân<sup>1</sup>, bài viết đề cập đến góc độ pháp lý của quyền tình dục trong quan hệ hôn nhân gia đình, một loại quyền nhân thân cần được bảo vệ bằng các biện pháp dân sự, hôn nhân gia đình cũng như các biện pháp pháp lý khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

### **Từ khóa:**

Quyền tình dục, quan hệ hôn nhân gia đình, pháp luật.

### **Abstract:**

This article takes a mainstream approach on individual as a center of sustainable development with the aim to maximize human factors as the subject, the main resource and the goal of development, to adapt adequately the material and spiritual needs of all sections of the people. The author will address the legal perspective of sexual rights in marriage and family relations, which are the kinds of personal rights that need to be protected by civil, marriage and family measures as well as other solutions appropriate to Vietnamese law in the context of international integration.

### **Keyword:**

Sexual rights, marriage and family relations, law.

Ở Việt Nam, Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014 có quy định về tình nghĩa vợ chồng, theo đó vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, vấn đề tình dục của cá nhân nói chung và tình dục của vợ chồng nói riêng vẫn luôn là vấn đề khó nói trong thực tiễn đời sống. Đồng thời, cũng tồn tại khoảng trống trong pháp luật Việt Nam khi điều chỉnh về vấn đề nhạy cảm này.

\* TS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: yenhhy@yahoo.com

<sup>1</sup> Xem “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

## 1. Khái quát về quyền tình dục và quyền tình dục trong quan hệ hôn nhân trong pháp luật quốc tế

**Quyền tình dục** (*sexual rights/rights to sexuality*) là khái niệm hiện được sử dụng ngày càng rộng rãi không chỉ bởi các tổ chức phi chính phủ, mà còn bởi Liên Hợp Quốc và các tổ chức liên chính phủ quốc tế, các nhà nước và giới học thuật<sup>2</sup>.

Khái niệm quyền tình dục ở góc độ các văn kiện quốc tế lần đầu tiên được ghi nhận tại đoạn 96 của Tuyên bố Bắc Kinh và Cương lĩnh Hành động (được thông qua tại Hội nghị Thế giới về Phụ nữ lần thứ 4 ở Bắc Kinh, Trung Quốc, năm 1995), trong đó nêu rằng: “*Quyền con người của phụ nữ bao gồm quyền được kiểm soát và quyết định một cách tự do và có trách nhiệm về những vấn đề liên quan đến tình dục của họ, bao gồm sức khỏe tình dục và sức khỏe sinh sản, không bị cưỡng bức, phân biệt đối xử và bạo lực trong tình dục. Mọi quan hệ bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới trong các vấn đề quan hệ tình dục và sinh sản, bao gồm cả tôn trọng đầy đủ sự toàn vẹn về thể chất, đòi hỏi phải có sự tôn trọng lẫn nhau, đồng thuận và chia sẻ trách nhiệm đối với hành vi tình dục và hậu quả của nó*”.

Không lâu sau đó, nội hàm của quyền tình dục đã được cụ thể hóa qua Tuyên ngôn toàn cầu về quyền tình dục (được thông qua tại Hội nghị thế giới lần thứ 14 về tình dục, tổ chức tại Hồng Kông, Trung Quốc, năm 1999). Theo văn kiện này, quyền tình dục bao gồm<sup>3</sup>: 1) Quyền tự do tình dục (right to sexual freedom); 2) Quyền tự chủ về tình dục, toàn vẹn về tình dục, và được an toàn thân thể trong hoạt động tình dục (right to sexual autonomy, sexual integrity, safety of the sexual body); 3) Quyền về sự riêng tư trong tình dục (right to sexual privacy); 4) Quyền được công bằng trong tình dục (right to sexual equity); 5) Quyền được hưởng khoái lạc tình dục (right to sexual pleasure); 6) Quyền được bày tỏ xúc cảm tình dục (the right to emotional sexual expression); 7) Quyền được tự do kết hợp về tình dục (the right to sexually associate freely); 8) Quyền được tự do quyết định một cách có trách nhiệm về việc sinh đẻ (the right to make free and responsible reproductive choices); 9) Quyền được tiếp nhận những thông tin khoa học về tình dục (the right to sexual information based upon scientific inquiry); 10) Quyền được giáo dục tình dục toàn diện (the right to comprehensive sexuality education); 11) Quyền được chăm sóc sức khỏe tình dục (the right to sexual health care).

**Quyền liên quan đến tình dục:** Bên cạnh quyền tình dục đã được ghi nhận như trên, pháp luật nhân quyền quốc tế từ lâu cũng đã ghi nhận một số quyền liên quan đến tình dục. Cụ thể, Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền năm 1948 (Điều 16) đã ghi nhận quyền bình đẳng trong việc kết hôn, lập gia đình và trong quan hệ gia đình của nam và nữ, đồng thời quy định nguyên tắc nền tảng là việc hôn nhân phải xuất phát từ quyết định tự do, đồng thuận của

---

<sup>2</sup> Vũ Công Giao, *Pháp luật về quyền tình dục trên thế giới và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam*, [http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen\\_ve\\_tinh\\_duc\\_trong\\_phap\\_luat\\_quoc\\_te\\_va\\_quoc\\_gia\\_-\\_vu\\_cong\\_giao.pdf](http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen_ve_tinh_duc_trong_phap_luat_quoc_te_va_quoc_gia_-_vu_cong_giao.pdf).

<sup>3</sup> Nguồn: [http://www.worldsexology.org/wp-content/uploads/2013/08/declaration\\_of\\_sexual\\_rights\\_sep03\\_2014.pdf](http://www.worldsexology.org/wp-content/uploads/2013/08/declaration_of_sexual_rights_sep03_2014.pdf); truy cập ngày 11/03/2019.

cả hai bên. Những quy định này sau đó được tái ghi nhận trong cả hai Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và về các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa năm 1966 (các Điều 10 và 23), Công ước về kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và việc đăng ký kết hôn năm 1964. Vào những thập kỷ tiếp theo, các Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979, Công ước về quyền trẻ em năm 1989 (cùng hai nghị định thư bổ sung công ước này) và một số điều ước quốc tế khác về nhân quyền đã mở rộng vấn đề bằng việc cấm bóc lột, lạm dụng tình dục, buôn bán phụ nữ, trẻ em và ghi nhận các quyền sinh sản của phụ nữ. Trong Tuyên bố và chương trình hành động thông qua tại Hội nghị thế giới về nhân quyền lần thứ hai họp ở Viên (Áo) năm 1993, các quyền được lựa chọn người phối ngẫu; quyền được bình đẳng trong đời sống hôn nhân và gia đình; quyền không bị lạm dụng, bóc lột về tình dục; quyền được lựa chọn các biện pháp tránh thai và được hưởng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình,... một lần nữa được đề cập và nhấn mạnh.

Công ước về quyền của người khuyết tật năm 2006 - một trong hai công ước quốc tế về nhân quyền đầu tiên của thế kỷ 21 đã ghi nhận quyền được bảo vệ khỏi sự bóc lột tình dục (Điều 16, 17); quyền được kết hôn, lập gia đình với sự tự nguyện và đồng thuận (Điều 23); quyền được có con và quyết định số lượng, khoảng cách giữa các lần sinh con (Điều 23); quyền được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tình dục và sinh sản (Điều 23,25) của người khuyết tật. Song, trước đó, vào năm 1993, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Nghị quyết số 48/96 về Các quy tắc tiêu chuẩn về bình đẳng hóa những cơ hội cho người khuyết tật (Standard Rules on the Equalization of Opportunities for Persons with Disabilities), trong đó bao gồm quy tắc thứ 9 về đời sống gia đình và sự toàn vẹn cá nhân. Quy tắc này đòi hỏi các quốc gia thúc đẩy sự tham gia đầy đủ của người khuyết tật vào đời sống gia đình, xóa bỏ những quy định pháp luật phân biệt đối xử với người khuyết tật về các vấn đề như quan hệ tình dục, kết hôn và làm cha mẹ. Đồng thời, có các biện pháp chống sự lạm dụng, cưỡng bức tình dục với người khuyết tật.

Trong bản báo cáo công bố vào năm 2011 với tiêu đề Luật Phân biệt đối xử và thực tiễn, hành động bạo lực chống lại những cá nhân bởi khuynh hướng tình dục và nhận dạng giới của họ, Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc khẳng định quyền hưởng thụ tình dục thuộc về đời tư của cá nhân. Quyền này, cùng với các quyền dân sự, chính trị khác, được áp dụng cho tất cả mọi người, không phân biệt khuynh hướng tình dục, nhân dạng giới, tình trạng sức khỏe hay bất cứ yếu tố nào khác. Những văn kiện nêu trên cho thấy quan điểm rất rộng của Liên Hợp Quốc về các quyền liên quan đến tình dục, trong đó lấy nền tảng là nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử về chủ thể quyền và xuất phát điểm là các quyền về hôn nhân/gia đình và quyền sinh sản.

***Quyền tình dục trong lĩnh vực pháp luật hôn nhân gia đình:*** Quyền tình dục rất gần gũi nhưng không hoàn toàn đồng nhất với các quyền về hôn nhân/gia đình (marriage/family rights) và quyền sinh sản (reproductive rights). Về nội hàm, quyền tình dục rộng hơn, bao

gồm quyền sinh sản, do quyền sinh sản chủ yếu chỉ đề cập đến tự do của các cá nhân trong việc quyết định có con và được tiếp cận với các dịch vụ về sức khỏe sinh sản<sup>4</sup>. Tuy nhiên, quyền tình dục đề cập sâu hơn về tự do tình dục, nhưng hẹp hơn về các khía cạnh tài sản và con cái là những nội dung cốt lõi của các quyền về hôn nhân/gia đình. Về phương diện pháp lý và lịch sử, các quyền về hôn nhân/gia đình và quyền sinh sản được pháp điển hóa trong luật quốc tế và luật quốc gia sớm hơn so với quyền tình dục. Từ nhiều góc độ, đặc biệt là góc độ pháp lý, có thể coi quyền tình dục là một sự phát triển, mở rộng của các quyền về hôn nhân/gia đình và quyền sinh sản<sup>5</sup>.

## 2. Quy định về quyền tình dục và quyền tình dục trong quan hệ hôn nhân theo pháp luật Việt Nam

Ở Việt Nam, mặc dù quyền tình dục không được chính thức ghi nhận nhưng các quyền liên quan đến tình dục đã được ghi nhận ở một số quy định rải rác trong nhiều văn bản luật quan trọng, trong đó lấy nền tảng là nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử về chủ thể quyền và xuất phát điểm là các quyền về hôn nhân/gia đình và quyền sinh sản. Các văn bản pháp luật đáng chú ý như: Hiến pháp năm 2013<sup>6</sup>; Luật Bình đẳng giới năm 2006<sup>7</sup>; Luật Phòng chống bạo lực trong gia đình năm 2007<sup>8</sup>; Luật về người khuyết tật năm 2010; Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm<sup>9</sup>.

Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014 có các quy định liên quan đến quyền tình dục như quy định cấm người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ<sup>10</sup>; quy định quyền nhân thân giữa vợ chồng về tình nghĩa vợ chồng<sup>11</sup>, quy định một trong các căn cứ ly hôn là sự vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được<sup>12</sup>, quy định nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo đó tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng<sup>13</sup>. Đặc biệt, quy

---

<sup>4</sup> Xem Chương trình hành động của Hội nghị Quốc tế và Dân số và Phát triển, Cairo 1994, đoạn 7.3 và Chương trình hành động Hội nghị Phụ nữ thế giới lần 4, Bắc Kinh 1995, đoạn 95.

<sup>5</sup> Vũ Công Giao, *Pháp luật về quyền tình dục trên thế giới và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam*, [http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen\\_ve\\_tinh\\_duc\\_trong\\_phap\\_luat\\_quoc\\_te\\_va\\_quoc\\_gia\\_-\\_vu\\_cong\\_giao.pdf](http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen_ve_tinh_duc_trong_phap_luat_quoc_te_va_quoc_gia_-_vu_cong_giao.pdf).

<sup>6</sup> Điều 36 Hiến pháp năm 2013.

<sup>7</sup> Khoản 1, 3 Điều 5 Luật Bình đẳng giới năm 2006.

<sup>8</sup> Điều 2 Luật Phòng chống bạo lực trong gia đình năm 2007.

<sup>9</sup> Điều 1, Điều 36, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015.

<sup>10</sup> Điều c, Khoản 2, Điều 5 Luật HNGĐ năm 2014.

<sup>11</sup> Điều 19 Luật HNGĐ năm 2014

<sup>12</sup> Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

<sup>13</sup> Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014.

định cấm kết hôn giữa những người có cùng giới tính trước đây được bãi bỏ, thay bằng quy định Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính<sup>14</sup>. Đây chính là sự thừa nhận quyền tình dục, cụ thể là quyền tự do tình dục, quyền được tự do kết hợp về tình dục bằng pháp luật hôn nhân gia đình, thừa nhận việc sống chung của những người có cùng giới tính, cấm kỳ thị, cấm sự can thiệp hành chính một cách thô bạo quyền tự do tình dục.

Trong lĩnh vực pháp luật hình sự, quyền tình dục là một nội dung được thể hiện rất rõ, các hành vi xâm hại quyền tình dục của con người bị coi là tội phạm và bị áp dụng chế tài rất nghiêm khắc. Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS) đã có những sửa đổi, bổ sung trong từng điều luật đối với nhóm các tội xâm phạm tình dục đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay, trong đó có nhiều quy định thể hiện cách tiếp cận mới trong việc thừa nhận và bảo vệ quyền tình dục<sup>15</sup>. Theo quy định của Bộ luật này, hành vi giao cấu không còn là hành vi duy nhất để tội phạm thực hiện các tội xâm phạm tình dục mà còn quy định thêm về hành vi quan hệ tình dục khác. Việc quy định “hành vi tình dục khác” là hành vi phạm tội trong một số tội xâm phạm tình dục thể hiện sự tiến bộ trong tiếp cận quyền tình dục ở các góc độ khác nhau của quyền này bao gồm quyền tự do tình dục, quyền được hưởng khoái lạc tình dục và quyền được bày tỏ xúc cảm tình dục, từ đó tránh bỏ lọt tội phạm.

Bên cạnh mở rộng về hành vi phạm tội, BLHS năm 2015 còn mở rộng về chủ thể thực hiện hành vi và nạn nhân. Trước đây, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội trong Tội hiếp dâm tại các BLHS cũ được hiểu là nam giới. Nữ giới không thể trở thành chủ thể của Tội hiếp dâm thông thường bởi đi ngược với bản chất của hành vi giao cấu. Nữ giới chỉ có thể trở thành chủ thể của Tội hiếp dâm trong trường hợp đồng phạm với vai trò người giúp sức. Tuy nhiên, với BLHS năm 2015, do công nhận các hành vi quan hệ tình dục khác nên chủ thể của Tội hiếp dâm có thể là nam giới hoặc nữ giới. Ngoài mở rộng chủ thể thực hiện hành vi thì việc mở rộng đối tượng là nạn nhân của Tội hiếp dâm cũng xuất phát từ thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay cũng như đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp và phòng ngừa tội phạm. Đây chính là việc thừa nhận và bảo đảm bảo quyền tự do tình dục của con người, không bị bó hẹp ở việc chỉ bảo vệ quyền tự do tình dục của nữ giới như trước đây.

Đối với các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, BLHS năm 2015 đã tội phạm hóa 2 hành vi có tính chất xâm hại đến quyền tình dục, cụ thể là quyền tự do tình dục trong quan hệ hôn nhân gồm Tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, cản trở ly hôn tự nguyện<sup>16</sup>. Đối với tội vi phạm chế độ một vợ, một chồng, Bộ luật đã cụ thể hóa tình tiết định tội như tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng” trước đây thành các hậu quả như “làm cho quan hệ hôn nhân của một hoặc hai bên dẫn đến ly hôn”, “làm cho vợ, chồng hoặc con của một trong hai bên tự sát”, hoặc tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng”<sup>17</sup>.

<sup>14</sup> Khoản 2, Điều 8 Luật HNGĐ năm 2014.

<sup>15</sup> Điều 141 đến Điều 147 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>16</sup> Điều 181 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>17</sup> Điều 182 Bộ luật Hình sự năm 2015.

### 3. Thực trạng pháp luật Việt Nam hiện hành về quyền tình dục trong quan hệ hôn nhân gia đình - Một số giải pháp kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Ở Việt Nam, quyền tình dục là vấn đề mới, đã và đang có những chuyển biến tích cực trong việc ghi nhận quyền này. Mặc dù vậy, pháp luật về quyền tình dục nói chung cũng như quyền tình dục của cá nhân trong quan hệ hôn nhân vẫn còn nhiều hạn chế nhất định. Quyền tình dục là tự nhiên, chính đáng. Việc ghi nhận, bảo vệ quyền này là việc làm đầy tính nhân văn, đặc biệt đối với quyền tình dục của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ thích đáng.

Quyền tình dục trong quan hệ vợ chồng là loại tình dục duy nhất được coi là hợp thức ở Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới cả về mặt đạo đức và pháp lý, nhưng có rất ít nghiên cứu về tình dục vợ chồng ở góc độ pháp lý, nếu có nghiên cứu ở góc độ này, tình dục vợ chồng chủ yếu được nhìn nhận dưới khía cạnh quan hệ hôn nhân hợp pháp, ở góc độ nghĩa vụ chung thủy, nghĩa vụ đồng cư, nên những vấn đề cốt lõi về chất lượng của tình dục như: quyết định quan hệ, khoái cảm tình dục, tần suất quan hệ,... gần như rất hiếm được đề cập. Quan hệ vợ chồng xác lập dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thỏa thuận là nguyên tắc cơ bản của pháp luật hôn nhân và gia đình nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, đa phần các quy định điều chỉnh về các khía cạnh tài sản và con cái là những nội dung cốt lõi của các quyền về hôn nhân/gia đình, mà hầu như không đề cập đến quyền tình dục. Tình dục vợ chồng chủ yếu được đề cập dưới góc độ xã hội học tình dục an toàn với việc sử dụng bao cao su; cách phòng tránh thai; cách giữ chồng của những người vợ; cách giải quyết các trục trặc trong đời sống tình dục vợ chồng... Tình dục, nhất là tình dục vợ chồng thì cần phải đảm bảo sự đồng thuận, tự nguyện và bình đẳng. Thực tế, quyền tình dục của vợ, chồng trên thế giới cũng như ở Việt Nam có nhiều phát sinh, dẫn đến nhiều hệ lụy, xâm phạm đến quyền tình dục của nhau.

Hiện nay, các quyền liên quan đến tình dục cũng như quyền tình dục trong quan hệ hôn nhân được đề cập rải rác trong các quy định tại các ngành luật khác nhau. Vì vậy, việc đảm bảo và cải thiện quyền hưởng thụ tình dục chính đáng của cá nhân nói chung và của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được quan tâm hơn nữa dưới góc độ pháp lý, để tạo khung pháp luật vững chắc cho cá nhân thực hiện quyền tình dục của mình một cách bình đẳng, toàn diện hơn. Với mục đích này, việc bảo vệ, thúc đẩy quyền tình dục ở Việt Nam trước hết cần có những quy định chính thống, trực tiếp, cụ thể, đảm bảo sự phù hợp giữa các ngành luật đối với loại quyền có tính nhạy cảm đặc biệt này của cá nhân. Cụ thể như sau:

- Bảo vệ, thúc đẩy quyền tình dục của cá nhân trong quan hệ hôn nhân thông qua các biện pháp hôn nhân gia đình

*Thứ nhất*, về căn cứ ly hôn. Nếu kết hôn là việc xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở tình yêu tự nguyện tiến bộ của hai bên nam nữ, nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, trong đó có hạnh phúc tình dục vợ chồng, thì ly hôn có bản chất là một loại chế tài đặc thù của

pháp luật hôn nhân gia đình nhằm chấm dứt quan hệ hôn nhân khi có sự vi phạm các quyền, nghĩa vụ của các bên.

Một trong các căn cứ để áp dụng ly hôn là lỗi của một hoặc cả hai bên vợ chồng khi có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được<sup>18</sup>. Trong các quyền, nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng được Luật HN&GD năm 2014 ghi nhận, quyền, nghĩa vụ chung thủy là loại quyền nghĩa vụ nhân thân quan trọng. Vi phạm quyền, nghĩa vụ này có thể thỏa mãn căn cứ ly hôn.

Tuy nhiên, Luật HN&GD năm 2014 lại quy định hết sức trừu tượng và chung chung về nghĩa vụ chung thủy giữa vợ, chồng<sup>19</sup> nên việc áp dụng khi giải quyết ly hôn gặp một số hạn chế nhất định. Cần có văn bản hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn về vấn đề này theo hướng làm rõ các hành vi được coi là vi phạm nghĩa vụ chung thủy. Thực tiễn đời sống cho thấy có quan điểm khác nhau về việc đồng nhất hoặc không đồng nhất hành vi quan hệ tình dục ngoài hôn nhân của một bên/bai bên vợ chồng với việc vi phạm nghĩa vụ chung thủy, cụ thể:

+ Trường hợp một bên/bai bên vợ chồng thực hiện quan hệ tình dục với người thứ ba, bao gồm cả quan hệ tình dục nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý, trong khi vợ, chồng vẫn tạo cho nhau một đời sống tình dục đầy đủ và có trách nhiệm với gia đình. Về vấn đề này, hiện nay có hai quan điểm trái ngược nhau, quan điểm thứ nhất cho rằng chỉ cần hành vi tình dục ngoài hôn nhân đã bị coi là vi phạm nghĩa vụ chung thủy; quan điểm thứ hai cho rằng, nếu vẫn đảm bảo cho nhau một đời sống tình dục đầy đủ và có trách nhiệm với gia đình, thì hành vi tình dục ngoài hôn nhân không bị coi là vi phạm quyền, nghĩa vụ vợ chồng. Chúng tôi tán thành quan điểm thứ nhất.

+ Trường hợp một bên vợ hoặc chồng bỏ bê gia đình, không còn đời sống tình dục giữa vợ, chồng mà có quan hệ tình dục với người khác: kết hôn trái pháp luật, ngoại tình thì bị coi là không chung thủy:

Thực tiễn đời sống cho thấy, nhiều trường hợp có yêu cầu ly hôn, đời sống vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù không có hành vi tình dục ngoài hôn nhân, mà nguyên nhân sâu xa là do quan hệ tình dục của vợ chồng không được như ý muốn, quyền tình dục của vợ chồng với các nội hàm của quyền này đặc biệt các quyền như: quyền về sự riêng tư trong tình dục; quyền được hưởng khoái lạc tình dục; quyền được công bằng trong tình dục; quyền được bày tỏ xúc cảm tình dục,... không được đảm bảo. Việc một bên vợ, chồng tuy không có hành vi tình dục ngoài hôn nhân nhưng có hành vi bỏ bê đời sống tình dục của phía bên kia, hoặc miệt thị, khinh miệt, coi thường nhu cầu sinh lý hoặc các hình thức

<sup>18</sup> Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

<sup>19</sup> Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng. 1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

biểu hiện cảm xúc tình dục của đối tác<sup>20</sup>, cũng cần được xem là vi phạm nghĩa vụ nhân thân của vợ chồng, là một loại lỗi trong vi phạm quyền nghĩa vụ vợ chồng.

*Thứ hai*, về nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Yếu tố lỗi trong vi phạm quyền nghĩa vụ vợ chồng còn có vai trò quan trọng trong việc chia tài sản chung khi ly hôn, với nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn theo hướng tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến yếu tố lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng<sup>21</sup>. Theo đó, đối với các trường hợp một bên vợ, chồng không chăm lo làm ăn, gây dựng tài sản, xây dựng hạnh phúc, cố tình phá tán tài sản, gây nợ nần,... có hành vi ngoại tình, vi phạm chế độ một vợ, một chồng, có hành vi bạo lực gia đình, xúc phạm uy tín, danh dự, nhân phẩm của nhau,... sẽ được Tòa án xem xét khi phân chia tài sản, theo hướng người nào có lỗi, lỗi nhiều hơn sẽ nhận được tài sản ít hơn. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy việc chứng minh hành vi quan hệ tình dục ngoài hôn nhân thường không dễ dàng, dẫn đến việc chứng minh có hành vi quan hệ tình dục ngoài hôn nhân để từ đó nhận định có hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy, thường là không thực hiện được. Vì vậy, việc áp dụng nguyên tắc chia tài sản chung có tính đến yếu tố lỗi vi phạm nghĩa vụ chung thủy, thường không khả thi trong thực tế. Nên có văn bản hướng dẫn theo hướng chứng minh được một hoặc hai bên vợ, chồng có quan hệ tình dục ngoài hôn nhân đã đủ để xác định có hành vi vi phạm nghĩa vụ chung thủy, từ đó xác định lỗi để tính việc chia tài sản chung.

- Bảo vệ, thúc đẩy quyền tình dục thông qua biện pháp dân sự

Dưới góc độ pháp luật dân sự, tùy vào thời điểm và mức độ của hành vi vi phạm và các biện pháp bảo vệ quyền tình dục rất đa dạng: Biện pháp tự bảo vệ, biện pháp tự mình cải chính, biện pháp yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, xin lỗi, cải chính công khai; biện pháp yêu cầu người vi phạm hoặc yêu cầu cơ quan tổ chức có thẩm quyền buộc người vi phạm bồi thường thiệt hại.

Tuy nhiên, thực tế bảo vệ quyền tình dục thông qua phương thức dân sự chưa đạt hiệu quả cao, đặc biệt trong trường hợp một bên vợ/chồng bị xâm phạm sức khỏe ảnh hưởng đến chức năng sinh lý, đặc biệt do tai nạn lao động hoặc tai nạn giao thông, dẫn đến suy giảm hạnh phúc tình dục của chính nạn nhân và người phối ngẫu không phải hiếm gặp. Những khó khăn về thể chất và tinh thần của nạn nhân cũng như vợ chồng họ trong những trường hợp này là tâm sự khó nói.

---

<sup>20</sup> Cần lưu ý đến quyền tình dục và các quyền nội hàm của quyền này cần được thừa nhận trong giới hạn của quyền này, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực đạo đức của xã hội, tuân thủ triệt để những nguyên tắc, nghĩa vụ mà pháp luật đặt ra để đảm bảo sự an toàn và hài hòa các lợi ích trong xã hội. Quyền tình dục bị giới hạn bởi các yêu cầu sau: không được vi phạm điều cấm của pháp luật, không được làm ảnh hưởng đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng; không được trái với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội; không được xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của người khác.

<sup>21</sup> Điều 59 Luật HN&GD năm 2014.

Theo pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành, khi sức khỏe của cá nhân bị xâm phạm, thiệt hại được bồi thường trong trường hợp này gồm hai loại: *thứ nhất*, thiệt hại vật chất mà “*biểu hiện cụ thể là thiệt hại về tài sản hoặc những chi phí và những thu nhập bị mất, do có sự thiệt hại về tính mạng, sức khỏe đưa đến. Thiệt hại đó phải thực sự xảy ra và tính toán được*”<sup>22</sup>. Đây là những chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, chăm sóc, phục hồi chức năng cho bên bị thiệt hại hoặc những chi phí cần thiết khác được quy định tại Khoản 1 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; *thứ hai*, thiệt hại về tinh thần được ghi nhận tại Khoản 2 Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015 nhằm buộc người gây thiệt hại “*bồi thường một khoản tiền để bù đắp tổn thất về tinh thần*” cho người bị thiệt hại.

Với quy định tại Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015, những trường hợp tai nạn giao thông hoặc tai nạn lao động dẫn đến sức khỏe bị xâm phạm làm suy giảm khả năng sinh lý, ngoài thiệt hại vật chất được bồi thường, chỉ cá nhân người bị thiệt hại mới được bồi thường thiệt hại về tinh thần, vợ hoặc những người thân thích khác không được hưởng bồi thường thiệt hại tinh thần do sức khỏe cá nhân bị suy giảm. Thực tiễn cho thấy, năm 2008, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nhận được đơn kiện của bà Dung (37 tuổi) với lý do hy hữu yêu cầu được bồi hoàn một khoản thiệt hại về “*hạnh phúc gia đình*” cho hai vợ chồng bà, nguyên nhân bắt nguồn từ tai nạn lao động năm 2007 của ông Phương chồng bà Dung bị ngã giáo chùn cột sống, mất 60% khả năng lao động, ảnh hưởng đến chức năng sinh lý<sup>23</sup>. Bà Dung kiện công ty vì cho rằng mình cũng là người chịu thiệt hại nên công ty chồng phải bồi hoàn thêm một khoản “*hạnh phúc gia đình*” cho hai người. Phía công ty lại cho rằng, việc vợ chồng bà Dung mâu thuẫn là do không dung hòa được mối quan hệ với hai vợ chồng, chứ không liên quan gì đến việc ông Phương mất khả năng sinh lý do tai nạn lao động gây ra. Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc buộc phải đưa vụ kiện ra xét xử, Hội đồng xét xử đã nhận định nguyên đơn không đưa ra được bằng chứng chứng minh vợ chồng bị tổn thất trong việc ông Phương bị mất khả năng sinh lý, vì thế không thể yêu cầu phía công ty bồi thường.

Có thể nhận thấy, pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành không có sự phân biệt giữa sức khỏe nói chung và sức khỏe tình dục, để trên cơ sở đó có sự phân biệt các dạng khác nhau của tổn thất về tinh thần do sức khỏe bị xâm phạm. Lấy ví dụ trường hợp người bị thiệt hại bị gãy một cánh tay hay bị cắt cụt bộ phận sinh dục, nhìn chung đều mất một phần thân thể dẫn đến suy giảm sức khỏe, nhưng sự tổn thất về tinh thần mà người bị hại phải chịu đựng trong hai trường hợp này hoàn toàn khác nhau, phụ thuộc rất lớn vào độ tuổi, tình trạng hôn nhân, đã có con hay chưa có con của nạn nhân. Chính vì vậy, thiệt hại tinh thần được bồi thường cho tổn thất về sức khỏe tình dục phải khác thiệt hại tinh thần được bồi thường cho tổn thất về sức khỏe thể chất nói chung, không thể áp dụng chung như nhau mức bồi thường bù đắp tổn thất

<sup>22</sup> Theo Thông tư 173/UBTP-TANDTC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 23/3/1972.

<sup>23</sup> Thanh Hương (2018), *Vợ đòi công ty đền bù thiệt hại vì chồng yếu sinh lý*, <https://www.phunuonline.com.vn/thoi-su/phap-luat/vo-doi-cong-ty-den-bu-thiet-hai-vi-chong-yeu-sinh-ly-64292/>. Truy cập ngày 13/12/2018.

về tinh thần trong trường hợp các bên không thỏa thuận được “tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”.

Đối với sức khỏe tinh dục bị xâm phạm, tình trạng hôn nhân của nạn nhân cũng dẫn đến sự khác biệt về chủ thể phải chịu tổn thất về tinh thần. Nếu nạn nhân còn độc thân, chỉ riêng bản thân nạn nhân phải gánh chịu tổn thất tinh thần, nhưng nếu đã có gia đình, thì người phối ngẫu cũng phải chịu sự thiệt thòi không đáng có về nhu cầu sinh lý, trong khi quyền tình dục là một quyền nhân thân của cá nhân đã được pháp luật quốc tế thừa nhận, được pháp luật Việt Nam ghi nhận các quyền liên quan đến tình dục với các quy định điều chỉnh đặc thù tùy theo từng ngành luật.

Ở Pháp, thiệt hại về tình dục đã được ghi nhận bằng án lệ từ lâu, loại thiệt hại này được xếp vào nhóm thiệt hại tinh thần, được đền bù độc lập với các thiệt hại tinh thần khác khi thể chất bị xâm phạm, xảy ra đối với tai nạn lao động hoặc tai nạn giao thông<sup>24</sup>.

Ở Ý, khái niệm “thiệt hại sinh học” được sử dụng cho thiệt hại tinh thần trong trường hợp thể chất bị xâm phạm. Thiệt hại sinh học là thiệt hại mà nạn nhân phải chịu đựng do mất tạm thời hoặc vĩnh viễn sự toàn vẹn về tâm lý. Khái niệm thiệt hại sinh học bao gồm thiệt hại về đau đớn phải chịu, về thẩm mỹ, thiệt hại về tình dục, thiệt hại về mất cơ hội xác lập đời sống gia đình, được bồi thường độc lập cho nạn nhân trực tiếp<sup>25</sup>.

Đối với nạn nhân gián tiếp, tương tự pháp luật Pháp, pháp luật Ý và Luxembourg và cũng thừa nhận nạn nhân gián tiếp là vợ/chồng của nạn nhân chính được bồi thường thiệt hại tinh thần do đảo lộn điều kiện sống, vì thể chất của nạn nhân chính bị xâm hại, trong đó bao gồm đảo lộn điều kiện sống về tình dục<sup>26</sup>.

#### 4. Kết luận

Trước bối cảnh Việt Nam hướng tới thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững với một trong số các quan điểm tiếp cận chủ đạo lấy con người là trung tâm của sự phát triển bền vững, phát huy tối đa nhân tố con người với vai trò là chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của phát triển bền vững, đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân<sup>27</sup>, cần thiết ghi nhận bằng án lệ để bảo vệ quyền tình dục của vợ chồng trong quan hệ hôn nhân bằng pháp luật hôn nhân gia đình cũng như pháp luật dân sự trên cơ sở tham khảo pháp luật các nước như bài viết đã đề cập.

---

<sup>24</sup> Về thiệt hại tinh dục theo pháp luật Pháp, xem Hoàng Thị Hải Yến, *Thiệt hại về tình dục, một loại thiệt hại tinh thần cần được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2019, tr.5-13.

<sup>25</sup> Về thiệt hại sinh học theo pháp luật Ý, xem Hoàng Thị Hải Yến, *Thiệt hại về tình dục, một loại thiệt hại tinh thần cần được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2/2019, tr.5-13.

<sup>26</sup> Marie Denimal (2016), “La réparation intégrale du préjudice corporel: réalités et perspectives”, Thèse, Université. du Droit et de la Santé - Lille II, 2016. France.

<sup>27</sup> Xem “Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững” ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Hoàng Thị Hải Yến (2019), *Thiệt hại về tình dục, một loại thiệt hại tinh thần cần được ghi nhận trong pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 2, tr.5-13.
2. Marie Denimal (2016), *La réparation intégrale du préjudice corporel: réalités et perspectives*, Thèse, Université du Droit et de la Santé - Lille II, France.
3. Thanh Hường (2018), *Vợ đòi công ty đền bù thiệt hại vì chồng yếu sinh lý*, <https://www.phunuonline.com.vn/thoi-su/phap-luat/vo-doi-cong-ty-den-bu-thiet-hai-vi-chong-yeu-sinh-ly-64292/>. Truy cập ngày 13/12/2018.
4. Thủ tướng Chính phủ (2017), “*Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững*” ban hành kèm theo Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.
5. Vũ Công Giao, *Pháp luật về quyền tình dục trên thế giới và một số vấn đề đặt ra với Việt Nam*, [http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen\\_ve\\_tinh\\_duc\\_trong\\_phap\\_luat\\_quoc\\_te\\_va\\_quoc\\_gia\\_-\\_vu\\_cong\\_giao.pdf](http://hr.law.vnu.edu.vn/sites/default/files/resources/quyen_ve_tinh_duc_trong_phap_luat_quoc_te_va_quoc_gia_-_vu_cong_giao.pdf). Truy cập ngày 11/03/2019.